CÔNG TY CP DV VỆ SINH CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG SONGANHHYG

SỔ PHA CHẾ, XUẤT NHẬP HÓA CHẤT & KIỂM TRA AN TOÀN CA

Đồng bộ PCS-03, 04, 16, 20 · PPE A1P2 & găng Nitrile ≥ 0,38 mm · 9 chế phẩm SAH-APR-PCS-01..09 · CTNH 18 01 01 (NĐ 45/2022)

Mã biểu mẫu: BM-PCS-02
Phiên bản: v2.0 (17/11/2026)
Phụ trách: KTV NIMPE & Thủ kho
Lưu hồ sơ: 24–60 tháng (QA/HSE)

Công trình / Ca	..... | Ca: ☐ Ngày ☐ Đêm	**Ngày & Giờ xuất**	.....:..... Ngày ...../...../202...
KTV Phụ trách & Thẻ	..... (SAH-CRD-.....)	**Thời tiết ngoài trời**	Gió: ..... m/s (≤4,0) · Nhiệt: .... °C (≤32) · Mưa 2h: ☐ Không

1. KIỂM TRA AN TOÀN CA, ĐỒ BẢO HỘ (A1P2 · ≥ 0,38 MM), THIẾT BỊ & CHE CHẮN HIỆN TRƯỜNG

(Thiếu một mục không mở nắp chai thuốc)

Nhóm kiểm tra	Yêu cầu bắt buộc trước khi mở nắp thuốc (PCS-03 & PCS-04)	Xác nhận
Bảo hộ & ứng cứu	Mặt nạ A1P2 (thử độ khít) · Găng Nitrile ≥ 0,38 mm · Kính kín 4 phía · Ủng mũi kín · **SDS 16 mục** tiếng Việt · **02 chai rửa mắt 500 mL** trong tầm lấy ≤ 10s · Bộ ứng cứu tràn đổ (5 kg cát/bột thấm + túi CTNH 18 01 01)	☐ Đủ mục ☐ Dừng ca
Che chắn & PCCC	**Bể cá Koi / thủy sinh:** Che bạt kín + tắt sục khí (H400/H410) · **Đồ ăn/bếp:** Che đậy kín · **Đầu báo khói:** M&E đã cô lập + treo thẻ nhắc bật lại · Không còn người, vật nuôi trong phòng	☐ Đã khóa ☐ Không có
Thiết bị & béc 8002E	Bấm thử nút nhảy RCD ≤ 30 mA · Béc 8002E (2,5–3,8 bar): hứng thử 60s ở 2,8 bar đạt **720–840 mL/p** (±10%) · ULV hạt **10–30 µm** (45°) · Tách Can Đỏ 2T ≤ 14d với Can Xanh 4T · Cấm mù nhiệt Diesel trong nhà	☐ Đạt chuẩn ☐ Thay béc
Pha chế an toàn	Pha trên **khay chống tràn** cách nguồn nước/cống **≥ 15 m** · Cách lửa/tia lửa **≥ 5 m** (dòng EC H226) · Đong ca chia vạch (không ước lượng bằng nắp chai hay sang vào chai nước uống)	☐ Đạt chuẩn ☐ Sửa ngay

2. NHẬT KÝ XUẤT NHẬP, PHA CHẾ 9 CHẾ PHẨM ĐƯỢC DUYỆT (SAH-APR-PCS-01..09) & THU VỎ CTNH

(Đối soát 1:1 thuốc xuất kho và vỏ mang về)

01 Fendona 10SC: 5mL/L (20m²) · 45–60p

02 Storm 0.005%: 1–2 viên ngoài · 0p

03 Permecide 50EC: ULV 1:10; 20mL/L · 45–60p

04 Topfly 10WG (4A): Bìa 20g/16mL (~40°C); Phun 20g/160mL

05 Map Permethrin: 20mL/L (25m²); ULV 1:10 · 60p

06 Perme UK 50EC: Muỗi 25mL/L; Gián 5mL/L · 30–60p

07 Viper 50EC: 20mL/L (20m²); ULV 1:10; Nhiệt 1:100

08 Cypado 25EC: 20mL/L (hố ga) · 45p

09 Icon 2.5CS: 20–30mL/L; Rệp 30mL/L · 60p

Mã SAH-APR & tên	Số lô & HSD (Đối chiếu ĐKLH & FEFO)	Xuất kho (mL / g / viên)	Nước (L) & tỷ lệ pha (Khay tràn ≥ 15 m)	Tồn trả kho (mL / g / viên)	Thu hồi & hủy vỏ CTNH 18 01 01 (NĐ 45/2022/NĐ-CP)
Mã: SAH-APR-PCS-... Tên:	Lô: ..... HSD: ...../...../202...		Nước: ..... L | Liều: ..... Khu:		☐ Súc 3× đổ bình (..... vỏ) ☐ Đục thủng đáy bỏ CTNH
Mã: SAH-APR-PCS-... Tên:	Lô: ..... HSD: ...../...../202...		Nước: ..... L | Liều: ..... Khu:		☐ Súc 3× đổ bình (..... vỏ) ☐ Đục thủng đáy bỏ CTNH
Mã: SAH-APR-PCS-... Tên:	Lô: ..... HSD: ...../...../202...		Nước: ..... L | Liều: ..... Khu:		☐ Súc 3× đổ bình (..... vỏ) ☐ Đục thủng đáy bỏ CTNH
Mã: SAH-APR-PCS-... Tên:	Lô: ..... HSD: ...../...../202...		Nước: ..... L | Liều: ..... Khu:		☐ Súc 3× đổ bình (..... vỏ) ☐ Đục thủng đáy bỏ CTNH
Mã: SAH-APR-PCS-... Tên:	Lô: ..... HSD: ...../...../202...		Nước: ..... L | Liều: ..... Khu:		☐ Súc 3× đổ bình (..... vỏ) ☐ Đục thủng đáy bỏ CTNH
Mã: SAH-APR-PCS-... Tên:	Lô: ..... HSD: ...../...../202...		Nước: ..... L | Liều: ..... Khu:		☐ Súc 3× đổ bình (..... vỏ) ☐ Đục thủng đáy bỏ CTNH

QUY TẮC SÚC RỬA 3 LẦN & CTNH 18 01 01 (AT-05 · NĐ 45/2022): Rót 1/3 nước sạch vào vỏ chai vừa dùng hết, lắc 30s rồi trút vào bình phun (đủ **3 lần**), sau đó **đục thủng đáy bỏ túi CTNH 18 01 01**. Cấm xả xuống cống hay vứt vào thùng rác khách hàng. Tổng vỏ nộp kho: ..... vỏ | Sự cố tràn/béc: .....

THỦ KHO HÓA CHẤT (Xuất kho & nhập CTNH)	KTV PHA CHẾ & VẬN HÀNH (Chịu trách nhiệm liều)	M&E / QA BÊN A (Xác nhận báo khói & cá Koi)
Đã kiểm ĐKLH, HSD, SDS & thu hồi đủ vỏ súc 3×. Họ tên & chữ ký:	Xác nhận PPE, RCD, béc 8002E & pha đúng tỷ lệ. Họ tên & chữ ký:	☐ Đã tắt & bật lại báo khói · ☐ Đã mở bạt hồ cá Họ tên & chữ ký: